

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/2005/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 254/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Chăn nuôi được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Cục Nông nghiệp theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 254/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2005 của

Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cục Chăn nuôi là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành chăn nuôi trong phạm vi cả nước.

3. Cục có tư cách pháp nhân, được cấp kinh phí hoạt động, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Chăn nuôi đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Chăn nuôi được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, như sau:

1. Xây dựng trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch hàng năm

và dài hạn, chương trình, dự án, đề án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản về nghiệp vụ quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về giống vật nuôi nông nghiệp:

a) Quản lý nhà nước về giống vật nuôi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và của từng địa phương;

c) Tổ chức điều tra, thống kê về sử dụng giống; xây dựng quy trình, quy phạm, kỹ thuật, công nghệ về giống vật nuôi;

d) Quản lý chất lượng và các hoạt động khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống vật nuôi; Khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống vật nuôi nông nghiệp mới;

đ) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép, giấy chứng nhận về giống vật nuôi nông nghiệp theo thẩm quyền;

e) Trình Bộ trưởng ban hành Danh mục về giống vật nuôi nông nghiệp được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam;

g) Quản lý hệ thống chọn tạo, khảo nghiệm, sản xuất kinh doanh giống vật nuôi nông nghiệp.

h) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giống vật nuôi nông nghiệp;

i) Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi nông nghiệp.

6. Quản lý chuyên môn kỹ thuật chăn nuôi:

a) Thống nhất quản lý về kỹ thuật nuôi, nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi; chu chuyển và cơ cấu đàn gia súc gia cầm;

b) Thống nhất quản lý tiêu chuẩn định mức quy hoạch, chuồng trại; tham gia thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất dùng cho chăn nuôi nông nghiệp.

7. Quản lý thức ăn chăn nuôi:

a) Thống nhất quản lý chất lượng và sử dụng thức ăn chăn nuôi;

b) Quản lý việc đăng ký, khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;

c) Cấp và thu hồi các loại giấy cho phép, giấy chứng nhận về thức ăn chăn nuôi theo thẩm quyền;

d) Trình Bộ trưởng ban hành các Danh mục thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi.

8. Chỉ đạo sản xuất chăn nuôi:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất chăn nuôi hàng năm;

b) Thẩm định các dự án đầu tư phát triển vùng chăn nuôi nông nghiệp gắn với chế biến theo quy hoạch; tham gia quản lý về chế biến bảo quản sản phẩm chăn nuôi; đề xuất các biện pháp khắc phục thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất chăn nuôi trên phạm vi cả nước;

c) Quản lý nhà nước về khuyến nông chăn nuôi;

d) Thống kê báo cáo tiến độ sản xuất và xây dựng cơ sở dữ liệu về chăn nuôi;

đ) Tổng kết đánh giá tình hình sản xuất hàng năm;

e) Thẩm định và quản lý thực hiện các dự án điều tra cơ bản về chăn nuôi.

9. Về khoa học công nghệ:

a) Thống nhất quản lý nhà nước về quỹ gen vật nuôi nông nghiệp, vi sinh vật dùng trong chăn nuôi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng trình Bộ chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; quản lý và tổ chức triển khai kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ về phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;

c) Trình Bộ ban hành tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi nông nghiệp, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, vật tư kỹ thuật, tiêu chuẩn chuồng trại phục vụ chăn nuôi nông nghiệp theo thẩm quyền của Bộ;

d) Quản lý thông tin khoa học công nghệ chăn nuôi nông nghiệp.

đ) Thành lập và quản lý Hội đồng khoa

học chuyên ngành thẩm định kết quả khảo nghiệm giống vật nuôi nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi trình Bộ trưởng ban hành để đưa vào Danh mục giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

10. Tham gia quản lý đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về chăn nuôi theo sự phân công của Bộ.

11. Về xúc tiến thương mại chăn nuôi:

a) Tham gia xây dựng dự báo định hướng phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu, thay thế nhập khẩu và tiêu dùng trong nước.

b) Tham gia xây dựng chính sách phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và hội nhập quốc tế.

c) Chỉ đạo tổ chức các hội chợ, triển lãm về chăn nuôi nông nghiệp.

12. Xây dựng chương trình, dự án hợp tác, tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, các tổ chức quốc tế về chăn nuôi; tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, dự án hợp tác quốc tế theo phân cấp quản lý của Bộ trưởng.

13. Quản lý, chỉ đạo một số đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công thuộc Bộ về chăn nuôi theo phân công của Bộ trưởng.

14. Tham gia quản lý hoạt động của các hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ về lĩnh vực chăn nuôi theo phân công của Bộ trưởng.

15. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm về chăn nuôi theo thẩm quyền.

16. Xây dựng và thực hiện chương trình

cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ.

17. Quản lý tổ chức, biên chế của Cục theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Cục.

18. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao; tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng giao.

Điều 3. Tổ chức của Cục

1. Lãnh đạo Cục:

Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về mọi hoạt động của Cục được giao.

Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ máy quản lý của Cục:

- a) Phòng Hành chính, Tổng hợp,
- b) Phòng Kế hoạch, Tài chính;
- c) Phòng Pháp chế, Thanh tra;
- d) Phòng Gia súc lớn;
- đ) Phòng Gia súc nhỏ;
- e) Phòng Thức ăn chăn nuôi;

g) Bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh.

h) Bộ phận thường trực tại Bình Định.

3. Các đơn vị trực thuộc:

a) Trung tâm Khảo, kiểm nghiệm và kiểm định giống vật nuôi.

b) Các đơn vị trực thuộc được giao quản lý theo quyết định của Bộ trưởng.

Cục trưởng Cục Chăn nuôi quy định chức năng, nhiệm vụ, bổ nhiệm cán bộ các phòng, bộ phận và đơn vị trực thuộc; xây dựng quy chế làm việc của Cục trình Bộ trưởng phê duyệt.

Các công chức của Cục thuộc biên chế hành chính và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Nông nghiệp bàn giao nhiệm vụ và các nội dung có liên quan cho Cục trưởng Cục Chăn nuôi.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Chăn nuôi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát